

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ NÔNG THÔN TRONG HOẠT ĐỘNG SINH ĐẸ

NGUYỄN THỊ KIM HOA

Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQGHN

Việt Nam là một nước nông nghiệp có tới 4/5 dân số sinh sống ở nông thôn. Nếu ta so sánh tỷ lệ phụ nữ nông thôn với cơ cấu dân số thì phụ nữ nông thôn chiếm 52,14% dân số nông thôn và chiếm 80,34% dân số phụ nữ trong cả nước. Các số liệu trên cho chúng ta thấy vai trò quan trọng của phụ nữ nông thôn trong sản xuất nông nghiệp, trong đời sống gia đình và cả trong hoạt động sinh đẻ để thực hiện chức năng tái sản xuất dân số của xã hội.

Hiện nay dưới tác động của kinh tế thị trường, với phương châm đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp và đa dạng hóa ngành nghề; ở nông thôn, ngoài việc đồng áng, những gia đình có nghề phụ hay buôn bán kinh doanh ở các hộ thuần nông thì phần lớn con trai đến trường thành hay người chồng thường đi khắp nơi kiếm sống, khiến người phụ nữ phải đảm nhiệm phần lớn công việc sản xuất nông nghiệp, công việc nội trợ... Do vậy ảnh hưởng đến việc sinh con, giáo dục và chăm sóc con cái.

Vì vậy việc nghiên cứu vai trò của người phụ nữ nông thôn trong hoạt động sinh đẻ là cần thiết. Những nghiên cứu này hướng đến việc tìm hiểu các nhân tố xã hội chi phối hoạt động sinh đẻ của người phụ nữ ở nông thôn hiện nay trong mối liên hệ với vai trò của họ tại gia đình và ngoài xã hội.

Kết quả điều tra 3 xã ở huyện Nam Ninh cho thấy số con trong gia đình ở đây là 3,4 con/ vợ chồng (so với TFR của cả nước 1993 là 3,73 con), nhưng so với chính sách dân số hiện hành, mỗi gia đình chỉ có 1 - 2 con thì số con trung bình như vậy là vẫn rất cao.

Số con trung bình của các bà mẹ cũng khác nhau: ở Nam Hồng là 3,05 con, Nam Ninh là 3,49 con, Trung Đông là 3,86 con. Nếu ta so sánh số con trung bình các gia đình nông thôn là 4,2 con thì các gia đình không tôn giáo là 3,32 con.

Hoạt động sinh đẻ là nhằm thực hiện chức năng tái sản xuất sinh học của xã hội. Xét phạm vi gia đình với vai trò là một nhóm xã hội thì hoạt động này cũng để thỏa mãn nhu cầu có con và được làm cha mẹ của các cặp vợ chồng. Cùng với hoạt động này mối liên hệ gia đình được củng cố và quan hệ tương tác giữa gia đình và xã hội thêm bền chặt.

Trong mô hình gia đình truyền thống "đứa con" được xem là giá trị để đánh giá vai trò của người phụ nữ trong gia đình. Đứa con là trai hay gái, số con nhiều hay ít đều là những dấu hiệu quan trọng để đánh giá vai trò quan trọng của người phụ nữ trong gia đình, việc sinh con được coi là bổn phận để thực hiện duy trì dòng tộc và họ mạc, hiện nay quan niệm này đã biến đổi. Việc sinh con trai vẫn là một biến số độc lập như một giá trị, quy định chuẩn mực của người phụ nữ.

Trong sự đánh giá chung của các gia đình hiện nay, giá trị của đứa con được quy về các nhân tố chủ yếu:

- Con trai là người nối dõi tông đường, kế tục truyền thống của dòng họ.
- Những đứa con là nơi nương tựa lúc tuổi già.
- Đứa con tạo nên hạnh phúc trong gia đình.
- Đứa con là thành viên đóng góp cho kinh tế gia đình.

Theo kết quả điều tra ở huyện Nam Ninh, ý nghĩa của đứa con tập trung vào các chi tiết như sau:

Giá trị của đứa con trai để “nối dõi tông đường” chiếm vị trí quan trọng hàng đầu với tỷ lệ rất cao 70,8%. Từ trước đến nay giá trị này gần như đã trở thành tiềm thức của mọi người dân, nhất là đàn ông phải có con trai để thờ cúng tổ tiên, có con trai để hương khói cho sau khi chết. Về quan niệm con trai để “nối dõi tông đường” có khác nhau bởi yếu tố nghề nghiệp, trình độ học vấn của người được hỏi. Các gia đình làm nghề nông thì có 73,7% cho rằng để con trai để nối dõi tông đường. Giá trị này ở các gia đình phi nông nghiệp là 60,8%, ở gia đình cán bộ là 54,7%. Xét về trình độ học vấn, sự đánh giá ở các gia đình về chi tiết này như sau: Trình độ mù chữ khi được hỏi là 92,9%, cấp 1 là 72,3%, cấp 2 là: 72,6%, cấp 3 là 60,8%.

Những phân tích trên đây cho thấy đứa con trai trong các gia đình hiện nay tỷ lệ giảm với chiều giảm xuống của trình độ học vấn (một chỉ báo căn bản của văn hóa) và tình trạng động xã hội càng thấp thể hiện rõ ở tính chất hoạt động nghề nghiệp của các gia đình nông. Đây là những nhân tố duy trì bền vững giá trị về đứa con trai trong động cơ sinh sản của họ.

Giá trị của đứa con để “nương tựa lúc tuổi già” được xếp vị trí thứ hai, có ở 67,3% người được hỏi. Quá trình hạt nhân hóa các gia đình ở nông thôn hiện nay, mỗi gia đình xu hướng tách thành là một đơn vị kinh tế độc lập, nên những gia đình cha mẹ già chỉ gần các con nhưng cũng không ăn chung. Ở nông thôn, chính sách “khoán mười” giao ruộng đất lâu dài cho người dân canh tác và sử dụng, người già cũng được chia phần đất, nhưng không còn sức lao động có thể cho họ khác thuê và thu một phần lợi tức để đảm bảo cho cuộc sống. Tuy vậy khi tối lửa tắt đèn có con ở gần vẫn hơn, đứa con vẫn là nơi nương tựa của tuổi già khi ốm đau bệnh tật, giá trị tinh thần do những đứa con mang lại vẫn xem là một yếu tố quan trọng tạo nên sự bình ổn trong tâm thế của các gia đình.

Giá trị của đứa con để “duy trì hạnh phúc” được đánh giá xếp vị trí thứ ba. Đứa con tổng hợp độc đáo những đặc điểm thể chất và tinh thần của cha mẹ. Nó là nhân tố tạo nên hạnh phúc của gia đình, đứa con tạo nên sự liên kết trong quan hệ vợ chồng và thông qua con, các gia đình có điều kiện để thực hiện hài hòa các chức năng cấu thành nên nhà đình với vị trí là một tế bào xã hội.

Nghĩa vụ và công lao nuôi dạy con chung đã làm cho vợ chồng gắn gũi và thêm trân trọng nhau vì cùng một nghĩa vụ và cùng phải hy sinh. Đứa con yêu cả cha và mẹ và ngược lại, điều này tác động tình cảm của họ đối với nhau, là ngọn nguồn quan trọng của tình yêu vợ chồng và sự bền vững gia đình. Người phụ nữ khi có con có vai trò và vị trí trong gia đình họ hàng nhà chồng hơn.

Đứa con có vai trò quan trọng trong cuộc sống gia đình như trên đã nói, nhưng việc con lại có liên quan tới sự gia tăng dân số trong phạm vi quốc gia. Vấn đề này không chỉ riêng với Việt Nam mà đây là vấn đề của tất cả các nước đang phát triển.

Ở Việt Nam hiện nay tình trạng gia tăng dân số ảnh hưởng rất nhiều tới đời sống kinh tế xã hội, văn hóa, sức khỏe... của nhân dân, nhất là đối với phụ nữ nông thôn.

Như vậy việc nghiên cứu hoạt động sinh đẻ của phụ nữ nông thôn cần phải được xem xét mối liên hệ với việc họ thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

Ở địa bàn chúng tôi tiến hành nghiên cứu, công tác DS - KHHGD với nội dung chủ yếu truyền "mỗi gia đình chỉ có 2 con" đã được tuyên truyền đến tận các gia đình, nhiều người đã hiểu được rằng có 2 con là phù hợp với lợi ích gia đình, xã hội, phù hợp với xu hướng chung của thời đại.

Ở 3 xã Nam Hồng, Nam Thanh, Trung Đông của huyện Nam Ninh cũng làm tốt công tác tuyên truyền, vận động này. Nhưng từ nhận thức, thái độ đến việc thực hành vi sinh đẻ người dân còn là khoảng cách rất lớn bởi họ phải gặp nhiều trở ngại chi phối hoạt động sản, nghề nghiệp, mức sống, tôn giáo.

Những khác biệt về những chỉ báo trên đây có ảnh hưởng với các mức độ khác nhau đến sinh đẻ trong gia đình họ.

Trước hết phải kể đến tuổi kết hôn: Nhìn chung độ tuổi kết hôn của nữ là 18, nam là 19 như vậy, tuổi kết hôn trung bình của phụ nữ nông thôn là thấp, nguyên nhân này dẫn tới gia tăng dân số, bởi vì phần lớn các cô dâu chỉ sau một năm kết hôn đã trở thành các bà mẹ. Tình trạng này có nhiều cách lý giải khác nhau:

+ Đầu tiên phải kể đến do quan niệm cổ hủ của người dân nông thôn về người phụ nữ: Nữ là người của gia đình, phụ nữ sinh ra trên đời chỉ để thực hiện chức năng người vợ, người mẹ.

+ Thứ hai, do chính sách khoán ruộng đất cho hộ gia đình người ta cố gắng lập nhiều hộ nhỏ để nhận nhiều ruộng hơn.

+ Thứ ba, do yếu tố tâm lý: Ế chồng là nỗi ám ảnh khủng khiếp đối với phụ nữ nông thôn khiến họ không dám chần chừ lựa chọn lâu.

Qua tìm hiểu thực tế ở xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Thủy, tỉnh Hà Nam Ninh cho thấy gia đình công giáo rất lo con gái mình ế chồng, nhất là các gia đình nhiều con gái. Các cô gái phần đông chỉ học hết cấp I, II sau đó ở nhà giúp việc gia đình, theo ren và chờ đến khi lấy chồng; hầu hết kết hôn ở tuổi 18, 19.

Trình độ học vấn của phụ nữ nông thôn cũng được coi là một yếu tố tác động tới số con đẻ trong gia đình và tuổi kết hôn của họ. Ở nông thôn, nếu so sánh giữa nam giới và nữ thì nam giới trong các gia đình vẫn được ưu tiên hơn trong việc học tập từ trước tới nay. Thử khảo sát, trình độ học của vợ thấp hơn. 75% số người vợ mù chữ, trong khi đó tỷ lệ này ở người chồng là 25%. Tỷ lệ có trình độ văn hóa cấp III là 57,5% ở người chồng và 48,5% ở người vợ. Trình độ học vấn hơn cấp III chồng là 54,5%, vợ là 45,5%.

	Tôn giáo %		Học vấn %					
	Không	Có	Mù chữ	Cấp I	Cấp II	Cấp III	> Cấp III	Chung
Chồng	43.2	56.3	25.0	40.6	43.9	51.5	54.5	44.9
Vợ	56.8	43.8	75.0	59.4	56.4	48.5	45.5	55.1
Con	3.32	4.22	5.25	4.94	3.30	2.32	2.91	3.43

Qua bảng số liệu trên chúng ta hãy xem xét trình độ của vợ chồng ảnh hưởng đến số con đẻ nào? Trình độ học vấn của vợ chồng mù chữ có 5,25 con; cấp I là 4,94 con; cấp II là 3,30 con; cấp III là 2,32 con; cao hơn cấp III là 2,91 con.

Thực tế số người mù chữ có số con ≥ 5 là 50%. Tương ứng với tuổi người được hỏi trên đây có số con là ≥ 5 là 66,0% với số con trung bình là 5,61 con.

Điều này có thể giải thích là trước đây do hoàn cảnh chiến tranh, điều kiện kinh tế kém và phần lớn những người thuộc nhóm tuổi này không được học hành đầy đủ, những tổ xã hội đó đã dẫn đến việc duy trì chuẩn mực số con cao ở họ. Qua số liệu trên chúng ta có thể rút ra kết luận rằng trình độ học vấn càng cao thì số con càng ít, nhưng tại địa bàn nghiên cứu các gia đình chỉ có 1 - 2 con là không nhiều. Khi được hỏi số con dự định mà vợ chồng muốn có thì số người muốn có từ 3 con trở nên vẫn còn rất đông. Những người muốn có 3 con trở lên, cấp I là 74,7%; cấp II là 49,1%, cấp III là 25,7%; > cấp III là 41,6%.

Nếu ta so sánh giữa những người tôn giáo và không tôn giáo thì những người được hỏi là thiên chúa giáo 64,8% muốn 3 con trở lên, không tôn giáo 46,1% muốn 3 con trở lên.

Qua số liệu trên chúng ta thấy rằng công tác DS - KHHGD của Việt Nam còn rất khãn, tư tưởng nhiều con và muốn có con trai còn ăn sâu vào ý thức của người nông dân. Muốn làm công tác này cần phải nâng cao trình độ học vấn của người dân, để người dân là phụ nữ có thể dành thời gian vào nghề nghiệp, công tác xã hội... hạn chế thời gian sử dụng dành cho việc sinh con.

Nghề nghiệp, mức sống tác động đến số con:

Người nông dân Việt Nam trong bước chuyển biến của xã hội cũng đã bắt đầu ý thức được rằng sự gia tăng dân số vượt quá rất nhiều so với khả năng của sản xuất và dân đến trạng: thiếu thốn của gia đình, sự vất vả của cá nhân và cả những hiện tượng tiêu cực ng xã hội.

Trước kia, gia đình nông dân thường sống nghèo khổ nhưng lại rất đông con và có nhiều con để tiếp tục lao động và tự an ủi "trời sinh voi, trời sinh cỏ". Tâm lý nhiều con là lợi, có phúc "một con, một cửa" nhất thiết phải có con trai vẫn là tâm lý chung của người nông dân.

Qua khảo sát thực tế tại địa bàn nghiên cứu, những gia đình có thu nhập thấp lại có nhiều con, số lượng con trung bình là 3,85 con, còn những gia đình có thu nhập cao lại ít con, trung bình 3,05 con. Gia đình nông dân số con trung bình là 3,5 con, gia đình cán bộ 3,45 con, gia đình phi nông nghiệp số con trung bình là 2,59 con.

Nghề nghiệp				Thu nhập trung bình đầu người					
Số con	Nông dân	Cán bộ	Phi NN	Thấp	TB thấp	TB	TB cao	Cao	Ch
Số con TB	3,5	3,45	2,89	3,85	3,41	3,38	3,50	3,05	3,0

Như vậy nghề nghiệp của các cặp vợ chồng đã ảnh hưởng nhiều đến số con. Khả năng thu nhập - một chỉ báo về chất lượng sống được nâng cao thì số con của các gia đình có mức thấp hơn. Điều này có nghĩa là việc thực hiện tốt chức năng kinh tế của gia đình có động tích cực đến việc hạn chế số con. Do đó việc nâng cao mức sống được thực hiện cuộc vận động xóa đói giảm nghèo hiện nay đang trở thành một nhân tố tích cực để hạ mức sinh ở các gia đình nông thôn.

Tác động yếu tố tôn giáo đến mức sinh con:

Tôn giáo cũng là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến mức sinh. Ở Nam Ninh nếu ta so sánh gia đình tôn giáo số con trung bình là 4,22 con, thì số con trong gia đình không tôn giáo là 3,32 con. Ngay cả số con mong muốn của họ cũng cao hơn: chính sách DS - KHHGD đề ra: 64,8% muốn 3 con trở lên.

Sở dĩ gia đình giáo dân sợ con vẫn nhiều và họ mong muốn có nhiều con vì rất nhiều lý do. Trước hết phải kể đến trong giáo lý hôn nhân không cho phép nạo thai và sử dụng các phương pháp tránh thai ngoài phương pháp tự nhiên, có nghĩa là chỉ cho sử dụng hai phương pháp tránh thai tự nhiên là tính lịch vòng kinh và phương pháp do nhiệt độ, đây là hai phương pháp mà giáo lý cho là không phạm tội. Do vậy công tác DS - KHHGD trong bà con giáo dân mới triển khai, có nhiều phụ nữ trẻ sau khi đẻ con thứ hai, chính quyền xã bắt đi đặt vòng kinh phải sử dụng thêm cả phương pháp tính lịch, nghĩa là không sinh hoạt vợ chồng trong 7 ngày không an toàn thì sẽ không phạm tội.

Thực tế qua tìm hiểu sâu cộng đồng giáo dân sống cùng với bên lương trong xã, họ vẫn có nhiều con để cho cộng đồng giáo dân càng tăng càng chiếm ưu thế.

uận:

Vai trò của phụ nữ trong hoạt động sinh đẻ là rất quan trọng mà người chồng không thể thế được. Ở nông thôn sự khác biệt về giới của đứa con vẫn có tác động sâu sắc đến các sinh hoạt. Tư tưởng trọng nam khinh nữ vẫn còn nặng nề, ảnh hưởng đến vai trò của người phụ nữ ở nông thôn. Phụ nữ nông thôn có rất ít quyền trong sinh đẻ, sinh con bao nhiêu khi nào phụ nữ quyết định chủ yếu vào người chồng. Ngoài ra còn phụ thuộc vào các yếu tố của nữ như tuổi kết hôn, trình độ học vấn, mức sống, nghề nghiệp và tôn giáo.

Hiện nay trình độ học vấn của phụ nữ trẻ nông thôn có cao hơn, đời sống tinh thần của họ cũng được nâng lên một bước, họ kết hôn muộn hơn, họ bắt nhịp với kinh tế thị trường, năng động, và họ hiểu rằng việc sinh ít con để có điều kiện nuôi con khỏe, dạy con ngoan là phù hợp với lợi ích trước mắt cũng như lâu dài của gia đình và xã hội.

Mặt khác việc sinh nhiều con cũng phần nào ảnh hưởng đến sức khỏe, thể chất và tinh thần của phụ nữ nông thôn.

Do vậy công tác DS - KHHGD muốn được thực hiện tốt thì việc tuyên truyền vận động phụ nữ không thôi thì không đúng và không đủ. Hoạt động này cần phải nhằm vào đối tượng nam giới để người chồng có chung nhận thức và tạo nên sự nhất trí trong việc xử lý các hành vi đẻ nhiều con. Ngoài việc phụ nữ phải áp dụng các biện pháp tránh thai cho phù hợp thì nam giới cũng phải sử dụng một số biện pháp như triệt sản, dùng bao cao su, v.v... để tránh cho người phụ nữ nông thôn phải nạo phá thai nhiều lần ảnh hưởng đến sức khỏe.

Để đem lại cho phụ nữ một vị trí thực sự bình đẳng trong gia đình và ngoài xã hội thì người phụ nữ phải loại bỏ tâm lý tự ti về địa vị, vai trò của bản thân mình trong gia đình và xã hội. Đặc biệt là việc nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ để họ có điều kiện tham gia công tác xã hội, tăng độ tuổi kết hôn và khi đã sinh con thì họ có điều kiện để nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

Thuyết phục, tuyên truyền nhằm nâng cao hiểu biết của người đàn ông nông thôn về lợi ích của việc sinh con đối với gia đình và xã hội, về cả những thuận lợi và những khó khăn đối với người phụ nữ trong hoạt động tái sản xuất dân số ở điều kiện hiện nay.

Vai trò của người phụ nữ chỉ có thể được khẳng định và nâng cao khi mà các chức năng của người phụ nữ thể hiện lợi ích của từng gia đình. Vì vậy khi gia đình với vai trò là một tế bào xã hội được vận hành tốt thì nó sẽ đảm bảo cho sự phát triển bình ổn của xã hội - khi các gia đình ở nông thôn vẫn còn là một đơn vị sản xuất chưa phải là một đơn vị tiêu dùng thì sự ưu trọng vẫn cần dành về chức năng tái sản xuất dân số. Khả năng đảm bảo cho việc thực hiện chỉ tiêu dân số của Quốc gia đặt ra cho từng gia đình vẫn đòi hỏi sự thuận vợ, thuận chồng thì mới có thể thành hiện thực, mặc dù hiện nay việc thực hiện hoạt động tái sản xuất dân số trong các

gia đình nông thôn mà chúng tôi đã nghiên cứu cho thấy là về cơ bản gánh nặng đó vẫn lên vai người phụ nữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Thị Kim Oanh. *Thực trạng gia đình ở nông thôn; Người phụ nữ và gia đình Việt Nam hiện nay*. Trung tâm Nghiên cứu khoa học về phụ nữ. NXB KHXH, Hà Nội, 1991. Tr. 52 - 65.
2. Lê Thi (chủ biên). *Vài nét nghiên cứu về gia đình Việt Nam*. Trung tâm Nghiên cứu khoa học về phụ nữ. Hà Nội, 1990.
3. *Số liệu về phụ nữ Việt Nam (1985 - 1994)*. Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. NXB Thống kê, Hà Nội, 1995.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Soc., Sci., t. XII, n^o2, 1996

ROLE OF RURAL WOMEN IN BIRTH ACTIVITY

NGUYEN THI KIM HOA

College of Social Sciences & Humanities - VNU

Vietnam is a rural country with rural population occupying about 4/5 country population with the rural women - 52,14% rural population and 80,34% women in the country.

The market economy with rural production and occupation diversity has been affected the way of rural life. Many farmers have a chance to do extra job in between two - seasons time. Women have to take care of their family and to do farming at the same time. This affects a lot the bearing, feeding and educating children.

The result of the survey in 3 communes Trung Dong, Nam Hong and Nam Thanh Nam Ninh district shows that the average children number of these families is 3,4 - rather high in comparison with the family planning policy. It also shows that the reason of having many children is influenced by many factors such as tradition, marriage age, knowledge level, occupation, living standard, religious of this couples women.

For carrying out efficiently the problem of population and family planning policy, they must use different ways to expand contraceptive methods, to enlarge women's knowledge and to involve them into social works. Only then rural women are able to undertake their functions in the best way.